

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày: 24 - 04 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tường Vân
- Bà Lê Thị Tâm

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 24/04/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2026/TLST-HS, ngày 03/04/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HS, ngày 10/04/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn C**; sinh ngày: 12/04/1986; tại **xã T, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **Khu dân cư N, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038086032154; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Minh T**; con bà: **Lê Thị T1**; Có vợ là **Đinh Thị P** và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2026 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Công ty TNHH MTV C1

Địa chỉ trụ sở: **Số A phố L, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Đăng T2** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Quản Trọng H**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: **Số B P, phường H, tỉnh Thanh Hóa**; Có mặt.

**** Người tham gia tố tụng khác:*** Người làm chứng

+ Anh **Hoàng Trọng S**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: **Khu dân cư N, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

+ Anh **Bùi Văn H1**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: **Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

+ Anh **Bùi Văn L**, sinh năm: 1976; Địa chỉ: **Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích để có tiền chi tiêu nhưng thay vì lao động chính đáng, **Lê Văn C** đã nảy sinh ý định cắt các cây cao su của **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1** (sau đây gọi là **Công ty C1**) để bán. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2025, **C** đã chuẩn bị cửa máy (loại cửa xích), xăng và một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE biển kiểm soát 36E1-461.40 đi từ nhà đến các lô cây cao su của **Công ty C1** tại **Nông trường T, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Tại đây **C** đã cửa cắt trộm tổng số 84 (tám tư) cây cao su (loại cây đã trưởng thành được trồng từ năm 2007-2009). Sau đó **C** cắt các cây cao su thành 263 đoạn ngắn để dễ dàng vận chuyển đem đi bán. Đến khoảng 7 giờ ngày 02/12/2025, **Lê Văn C** thuê **Hoàng Trọng S**, sinh năm 1975, trú tại khu dân cư Nông trường, **xã T, tỉnh Thanh Hóa** dùng xe “công nông” để chở gỗ cây cao su đi bán. Đồng thời, **C** thuê **Bùi Văn H1**, sinh năm 1997 và **Bùi Văn L**, sinh năm 1976, cùng trú tại **thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa** bốc xếp các đoạn gỗ cao su lên xe “công nông” của **Hoàng Trọng S**. Sau khi **H1, L** bốc xếp các đoạn gỗ cây cao su lên xe công nông, thì **C** yêu cầu **S** chở gỗ cao su đến **Công ty trách nhiệm hữu hạn B** chi nhánh 1 (sau đây gọi là **Công ty B**) có địa chỉ tại **thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa** để bán cho **Nguyễn Tuấn L1**, sinh năm 1989, trú tại **khu dân cư N, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Cùng ngày **Công ty C1** phát hiện vườn cây cao su bị cắt trộm và phát hiện đối tượng **Lê Văn C** là người cắt trộm cây đã tố giác tội phạm đến Công xã Thạch Quảng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2025, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** đã thu giữ 263 đoạn gỗ cây cao su tại **Công ty B** do ông **Nguyễn Văn D** là người đại diện của **công ty G**.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã T** kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm 84 (tám tư) cây cao su được trồng từ năm 2007-2009 có giá trị 36.960.000 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). 263 đoạn gỗ cao su trị giá 5.170.000 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)

Đối với **Hoàng Trọng S** là người được **C** thuê vận chuyển gỗ cao su; **Bùi Văn L, Bùi Văn H1** là người được **C** thuê bốc xếp gỗ cao su lên xe “công nông” và **Nguyễn Tuấn L1** là người mua 263 đoạn gỗ cao su của **C** đều không biết việc **C** cắt trộm cây cao su của **Công ty C1**. Vì vậy, hành vi của **S, L, H1** và **L1** không vi phạm pháp luật nên không xem xét xử lý.

Về vật chứng và các đồ vật, tài liệu khác thu giữ, tạm giữ trong vụ án:

Quá trình điều tra đã thu giữ 263 đoạn gỗ cây cao su hình trụ có kích thước khác nhau là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty C1, Công ty đã đề nghị được nhận lại số tài sản này, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty.

Đối với 01 (một) máy màu đỏ, nhãn hiệu “KLMI CLM – 5800”, Lê Văn C đã tự nguyện giao nộp ngày 06/12/2025 là công cụ bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội hiện đang bảo quản tại kho vật chứng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2025, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01(một) xe công nông có thùng tự chế của Hoàng Trọng S là phương tiện S sử dụng để vận chuyển các đoạn gỗ cây cao su cho C từ các lô cao su tại Nông trường T đến Công ty B. Quá trình điều tra xác định xe công nông là tài sản hợp pháp của Hoàng Trọng S, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Văn C. Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE biển kiểm soát 36E1-461.40 Cơ quan điều tra thu giữ được trong quá trình khám xét nhà ở của Lê Văn C ngày 06/02/2026 là phương tiện C sử dụng để đi đến vườn cây cao su trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô là tài sản riêng của chị Đinh Thị P (vợ của C), chị P không biết việc C sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đinh Thị P.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho công ty C1 tổng số tiền 31.790.000 đ (Ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Đến nay người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSTT ngày 02/04/2026, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 7 - Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội ‘ Trộm cắp tài sản’.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay giữa bị cáo và người bị hại đã thống nhất về việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại. Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 (một) cửa máy

mày đỏ, nhãn hiệu “KLMI CLM-5800), kích thước máy dài 80x27cm, phần lưỡi cưa dài 40cm lưỡi bằng xích, máy chạy bằng xăng do bị cáo **Lê Văn C** đã tự nguyện giao nộp ngày 06/12/2025, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại bị cáo không có tài sản có giá trị, thu nhập không ổn định nên đại diện VKSND đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Đến nay bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty với tổng số tiền là 31.790.000đ (Ba mươi một triệu bảy trăm chín mươi triệu đồng). **Công ty C1** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về mức hình phạt của bị cáo người đại diện theo ủy quyền của công ty đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an khu vực G1** – Thanh Hoá, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Văn C** đã khai nhận hành vi thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2025, **Lê Văn C** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE biển kiểm soát 36E1-461.40 đến các lô cây cao su thuộc **Nông trường T, xã T, tỉnh Thanh Hóa** lợi dụng việc sơ hở trong việc quản lý trông coi tài sản để cắt cây cao su bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tại đây, **C** sử dụng cưa máy cắt hạ 84 (tám tư) cây cao su đã trưởng thành được (trồng năm 2007-2009) của **Công ty C1**. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **36.960.000 đ** (ba mươi sáu

triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Đến ngày 02/12/2025, C thuê người vận chuyển số gỗ cao su chiếm đoạt được đi bán thì bị phát hiện. Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Văn C đã phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Lê Văn C thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Đến nay, bị cáo và Công ty TNHH MTV C1 đã tự nguyện thỏa thuận, giải quyết xong việc bồi thường thiệt hại; Bị hại là công ty C1 không có yêu cầu, đề nghị bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) cửa máy may đồ, nhãn hiệu “KLMI CLM-5800), kích thước máy dài 80x27cm, phần lưới cửa dài 40cm lưới bằng xích, máy chạy bằng xăng. Đây là phương tiện mà bị cáo C dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với Hoàng Trọng S là người được C thuê vận chuyển gỗ cao su; Bùi Văn L, Bùi Văn H1 là người được C thuê bốc xếp gỗ cao su lên xe “công nông” và Nguyễn Tuấn L1 là người mua 263 đoạn gỗ cao su của C đều không biết việc C cắt trộm cây cao su của Công ty C1. Vì vậy, hành vi của S, L, H1 và L1 không vi phạm pháp luật nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý những người trên là đúng quy định.

[9] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản có giá trị, thu nhập không đáng kể nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
 Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn C** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn C** 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Lê Văn C** cho **UBND xã T**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 (một) cửa máy may đỏ, nhãn hiệu “KLMI CLM-5800), kích thước máy dài 80x27cm, phần lưới cửa dài 40cm lưới bằng xích, máy chạy bằng xăng, máy củ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/04/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** và Phòng Thi hành án khu vực 7 – Thanh Hoá)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo **Lê Văn C** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Đội THAHS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thủy Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bùi Văn Hải

